ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1596/UBND-TH V/v báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định	*Bình Định, ngày 01 tháng 4 năm 2019*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 1017/BTC-NSNN ngày 22/01/2019 về việc báo cáo kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội từ năm 2018 trở về trước;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ năm 2018 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Kinh phí đã thực hiện năm 2018: 2.493 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Công văn này)

2. Nguồn kinh phí thực hiện năm 2018: 25.982 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí năm 2017 chuyển sang năm 2018 theo công văn số 10205/BTC-NSNN ngày 22/8/2018: 13.086 triệu đồng

- Kinh phí ngân sách Trung ương đã bổ sung mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2018 theo Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính: 12.896 triệu đồng.

3. Kinh phí còn lại chuyển sang năm 2019: 23.489 triệu đồng.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở TC, LĐTBXH;
- CVP, PVPVX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

Trang văn bản chỉ đạo, điều hành:vbdh.binhdinh.gov.vn

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 53/2015/QĐ-TTg NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1596/UBND-TH ngày 01/ 4 /2019 của UBND tỉnh)

TT	Loại đối tượng được hưởng chính sách	Học Kỳ I năm học 2017-2018								Học Kỳ II năm học 2017-2018		
		Số đối tượng được hưởng chính sách (sinh viên)	Trong đó				Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/tháng (Triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Số đối tượng được hưởng chính sách (sinh viên)	Trong	
			Số đối tượng hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân 1 lần 1.000.000 đồng/khóa (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ ở lại trường trong dịp tết nguyên đán 150.000 đồng/năm (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ đi lại mỗi năm 01 lần						Số đối tượng hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân 1 lần 1.000.000 đồng/khóa (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ ở lại trường trong dịp tết nguyên đán 150.000 đồng/năm (sinh viên)
					Mức hỗ trợ 300.000 đồng/năm (sinh viên)	Mức hỗ trợ 200.000 đồng/năm (sinh viên)						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=(2)*1trđ+(3)*0,15trđ+(4)*0,3trđ+(5)*0,2trđ+(1)*(6)*(7)	9	10	11
I	**Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo, người khuyết tật**	-	-	-	-	-	18	4	-	55	-	-
1	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo						6	1,3	-	42		
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo						6	1,3	-	13		
3	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số người khuyết tật						6	1,3	-			
II	**Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh, sinh viên người dân tộc kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo**	-	-	-	-	-	12	2	-	52	-	-
1	Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú						6	1,04	-	52		
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo						6	1,04	-			
III	**Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo**	3	1	-	1	-	10	2	11	126	6	-
1	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo						6	0,78	-	84	2	
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh thuộc hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo						4	0,78	11	42	4	
Tổng cộng		3	1	-	1	-	40		10,660	233	6	-

Trang văn bản chỉ đạo, điều hành:vbdh.binhdinh.gov.vn

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 53/2015/QĐ-TTg NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1596/UBND-TH ngày 01/4 /2019 của UBND tỉnh)

Học kỳ II năm học 2017-2018					Học kỳ I năm học 2018-2019								Tổng kinh phí thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Ghi chú
g đó							Trong đó							
Số đối tượng hỗ trợ đi lại mỗi năm 01 lần		Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/tháng (Triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Số đối tượng được hưởng chính sách (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân 1 lần 1.000.000 đồng/khóa (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ ở lại trường trong dịp tết nguyên đán 150.000 đồng/năm (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ đi lại mỗi năm 01 lần		Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/tháng (Triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
Mức hỗ trợ 300.000 đồng/năm (sinh viên)	Mức hỗ trợ 200.000 đồng/năm (sinh viên)							Mức hỗ trợ 300.000 đồng/năm (sinh viên)	Mức hỗ trợ 200.000 đồng/năm (sinh viên)					
12	13	14	15	16=(10)*1trđ+(11)*0,15trđ+(12)*0,3trđ+(13)*0,2trđ+(9)*(14)*(15)	17	18	19	20	21	22	23	24=(18)*1trđ+(19)*0,15trđ+(20)*0,3trđ+(21)*0,2trđ+(17)*(22)*(23)	25=(8)+(16)+(24)	
-	53	18	4	434	46	6	-	-	6	18	4	360	794	
	41	6	1,3	330,60	32	6			6	6	1,39	253,230	584	
	12	6	1,3	103,80	14					6	1,39	106,27	210	
		6	1,3	-						6	1,39	-	-	
-	52	12	2	335	37	-	-	-	-	12	2	239	573	
	52	6	1,04	334,880	37					6	1,112	238,6080	573	
		6	1,04	-						6	1,112	-	-	
88	-	12	2	622	127	22	-	22	-	12	2	493	1.126	
61		6	0,78	413,42	80	8		8		6	0,834	313,666	727	
27		6	0,78	208,66	47	14		14		6	0,834	179,166	398	
88	105	42		1.391,360	210	28	-	22	6	42		1.090,940	2.493	

Trang văn bản chỉ đạo, điều hành:vbdh.binhdinh.gov.vn